

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04-9- 2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Bùi Văn Trung
- ông Nguyễn Văn Thực.

- **Thư ký phiên toà:** bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:**
ông Trần Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2026/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn A, xã M, tỉnh Hưng Yên.

Số căn cước công dân: 034195009471.

2. **Bị đơn:** anh Lương Văn L, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn A, xã M, tỉnh Hưng Yên.

Số căn cước công dân: 034090006290.

(chị H và anh L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lương Văn L kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2016 tại trụ sở ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cũ nay là xã M, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L không sửa đổi dẫn đến vợ

chồng lạnh nhạt tình cảm. Mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2026 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **L**.

Về nuôi con chung: chị và anh **L** có một con chung là **Lương Anh T**, sinh ngày 25/8/2017. Nếu ly hôn chị nhường anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **L**.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Lương Văn L** trình bày:*

Về hôn nhân: anh và chị **Nguyễn Thị Kim H** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2016 tại trụ sở **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình** cũ nay là **xã M, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2026 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **H** có đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về nuôi con chung: anh và chị **H** có một con chung là **Lương Anh T**, sinh ngày 25/8/2017. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị **H** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại biên bản ghi lời khai, cháu **Lương Anh T** trình bày:* cháu là con chung của mẹ **H** và bố **L**. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở cùng bố **L**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **H** và anh **L** thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lương Văn L. Về nuôi con chung: giao cho anh Lương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Anh T, sinh ngày 25/8/2017. Chị H không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: chị H và anh L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lương Văn L, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Chị H và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L theo quy tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Kim H kết hôn với anh Lương Văn L tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2016 tại trụ sở UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cũ nay là xã M, tỉnh Hưng Yên, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị H và anh L không khắc phục được đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay. HĐXX thấy chị H và anh L mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị H xin ly hôn, anh L nhất trí ly hôn. Vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị H và anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị H và anh L có 01 con chung là Lương Anh T, sinh ngày 25/8/2017, chị H và anh L đều thống nhất để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L không yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh L; hơn nữa cháu T có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy cần giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của anh L, không yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị **H** và anh **L** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 237; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. *Về hôn nhân*: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Kim H** và anh **Lương Văn L**.

2. *Về nuôi con chung*: giao cho anh **Lương Văn L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lương Anh T**, sinh ngày 25/8/2017. Chị **H** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **L**. Chị **H** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: chị **Nguyễn Thị Kim H** phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003256 ngày 17/6/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị **H** đã nộp đủ). Trả lại chị **H** 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Anh **Lương Văn L** phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: chị **Nguyễn Thị Kim H** và anh **Lương Văn L** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thủy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

